

TÒA ÁN NHÂN DÂN

Huyện Tân Hiệp

Tỉnh Kiên Giang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 53/2024/HNGĐ- ST

Ngày 29/08/2024

V/v xin ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Nhật

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Động

2. Ông Từ Tứ Hải

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Huỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 29 tháng 08 năm 2024. Tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2024/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 06 năm 2024 về vụ kiện: “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 08 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Danh Thị Tuyết M, sinh năm 1994 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T T, xã T T, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

- Bị Đơn: Anh Thạch S, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T T, xã T T, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Danh Thị Tuyết M trình bày: Tôi và anh Thạch S chung sống với nhau vào năm 2011, đăng ký kết hôn tại UBND xã T T, huyện T H, tỉnh Kiên Giang ngày 25/10/2019 Vợ chồng có tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán địa phương. Trước khi cưới, vợ chồng có tìm hiểu nhau trước mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Trong quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc. Đến năm 2023, thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh S thường xuyên tụ tập bạn bè ăn nhậu, không lo làm ăn, bỏ bê không quan tâm chăm sóc vợ con, vợ chồng có hoà giải với nhau nhiều lần nhưng không có tiếng nói chung. Tôi có khuyên bảo chồng tôi nhiều lần nhưng chồng tôi không nghe vẫn chứng nào tật ấy. Từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 09 năm 2023 cho đến nay.

Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung gồm:

1/ Cháu Danh Hoàng B, sinh ngày 30/11/2011

2/ Cháu Danh Hoàng T, sinh ngày 11/01/2014

Hiện nay 02 cháu đang chung sống với tôi.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại phiên tòa chị M yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: tôi xin được ly hôn với anh Thạch S.

Về quan hệ con chung: Tôi yêu cầu xin được nhận nuôi dưỡng cháu Danh Hoàng B, sinh ngày 30/11/2011, cháu Danh Hoàng T, sinh ngày 11/01/2014, tôi không yêu cầu anh Thạch S cấp dưỡng nuôi hai con.

Về quan hệ tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

* **Bị đơn anh Thạch S trình bày:** Tòa án đã tổng đạt các văn bản cho anh Thạch S theo quy định của pháp luật nhưng tại phiên tòa hôm nay anh S vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền:** Đây là vụ kiện Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015. Mặt khác đây là vụ kiện Ly hôn không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015. Ngoài ra Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** anh Thạch S với tư cách là bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay anh S vắng mặt không lý do, trước đó Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn anh Thạch S, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt thì Tòa án tiến hành xử vắng mặt họ”. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Thạch S là phù hợp theo quy định pháp luật..

[3] **Về quan hệ hôn nhân:** Xét lời yêu cầu của chị M về quan hệ hôn nhân, chị xin được ly hôn với anh Thạch S là có cơ sở chấp nhận vì theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”. Xét thấy do tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh S hiện đang rất trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh S thường xuyên tụ tập bạn bè ăn nhậu, không lo làm ăn, bỏ bê không quan tâm chăm sóc vợ con, vợ chồng có hoà giải với nhau nhiều lần

nhưng không có tiếng nói chung. Chị M có khuyên bảo anh S nhiều lần nhưng anh S không nghe vẫn chứng nào tật ấy. Từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy lời yêu cầu của chị M xin được ly hôn với anh S được Tòa án chấp thuận.

[4] **Về quan hệ con chung:** Chị M xin nhận nuôi dưỡng cháu Danh Hoàng B, sinh ngày 30/11/2011 và cháu Danh Hoàng T, sinh ngày 11/01/2014, chị M không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi hai con. Xét thấy giao cháu Danh Hoàng B, sinh ngày 30/11/2011 và cháu Danh Hoàng T, sinh ngày 11/01/2014 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu là có cơ sở chấp nhận vì theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”. Do cháu Danh Hoàng B hiện nay mới chỉ 12 tuổi và cháu Danh Hoàng T hiện nay 10 tuổi. Do nguyện vọng của cháu B và cháu T là nếu chị M và anh S ly hôn thì cháu B và cháu T sẽ sống với chị M và từ lúc chị M và anh S sống ly thân từ tháng 09 năm 2023 cho đến nay thì cháu B và cháu T luôn được chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đầy đủ và hiện nay được biết chị M có nghề nghiệp là công nhân của Công ty TNHH VIP Cự Thành, thu nhập mỗi tháng của chị M là 12.000.000đ/01 tháng. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Danh Hoàng B và cháu Danh Hoàng T cho chị M trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định của pháp luật. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom con chung.

[5] **Về tài sản chung và nợ chung:** Do chị M và anh S không có tài sản chung và không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[6] **Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:** chị M phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003726 ngày 08/05/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Chị M đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Danh Thị Tuyết M.

2. **Về quan hệ hôn nhân:** chị Danh Thị Tuyết M và anh Thạch S được ly hôn.

3. **Về quan hệ con chung:** Giao cháu Danh Hoàng B, sinh ngày 30/11/2011 và cháu Danh Hoàng T, sinh ngày 11/01/2014 cho chị Danh Thị Tuyết M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, anh Thạch S không phải cấp dưỡng nuôi con. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom con chung.

4. **Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:** Buộc chị Danh Thị Tuyết M nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003726 ngày 08/05/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Chị M đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị Danh Thị Tuyết M biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho anh Thạch S biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Hiệp.
- TAND tỉnh Kiên Giang .
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Quang Nhật